

CHỈ SỐ CHÍNH

| | Mới nhất | Tăng / Giảm | | Khối lượng | | | Số lượng cổ phiếu | | | P/E |
|--------------------------|----------|-------------|-------|------------|-------|------|-------------------|------|------|-------|
| | | điểm | % | KL | % | GDTT | Tăng | Giảm | Đứng | |
| VnIndex | 401.0 | -4.2 | -1.0% | 25.3 | 4.2% | 4.6 | 90 | 140 | 75 | 8.6x |
| HnxIndex | 63.8 | -0.8 | -1.2% | 28.4 | 14.5% | 2.0 | 104 | 107 | 80 | 6.6x |
| 20 CP vốn hóa lớn nhất | 446.3 | -4.3 | -1.0% | 5.1 | 49.1% | 1.3 | 2 | 12 | 6 | 11.1x |
| 30 CP vốn hóa trung bình | 168.1 | -3.3 | -1.9% | 11.1 | 11.9% | 0.3 | 0 | 23 | 2 | 6.5x |
| 40 CP vốn hóa nhỏ | 287.6 | -9.3 | -3.1% | 10.1 | 38.1% | 0.3 | 0 | 23 | 2 | 4.9x |
| Chỉ số ngành | | | | | | | | | | |
| Ngân hàng | 255.1 | -0.5 | -0.2% | 3.0 | -7.4% | 0.0 | 1 | 5 | 3 | 8.2x |
| Bất động sản (trừ VIC) | 196.1 | -5.6 | -2.8% | 7.4 | 3.8% | 0.4 | 7 | 39 | 9 | 5.8x |
| Thực phẩm (trừ MSN) | 494.1 | -3.4 | -0.7% | 0.8 | -0.4% | 0.0 | 3 | 10 | 12 | 5.8x |

(KL: triệu CP)

THẾ GIỚI

| | Chỉ số | Tăng / Giảm | |
|---------------------------|--------|-------------|-------|
| | | điểm | % |
| Mỹ: Dow Jones (9/11/2011) | 11,781 | -389.2 | -3.2% |
| Mỹ: S&P 500 (9/11/2011) | 1,229 | -46.8 | -3.8% |
| Anh: FTSE 100 (9/11/2011) | 5,460 | -106.9 | -2.0% |
| Nhật: Nikkei 225 | 8,501 | -254.6 | -3.0% |
| Hong Kong: Hang Seng | 18,964 | -1,050.5 | -5.3% |

GIÁ HÀNG HÓA

| | Giá | Tăng / Giảm | |
|------------------------------|---------|-------------|-------|
| | | điểm | % |
| Vàng trong nước (trđ/lượng) | 46.6 | -0.2 | -0.3% |
| Vàng thế giới (USD/ounce) | 1,761.1 | -30.5 | -1.7% |
| Giá dầu thế giới (USD/thùng) | 96.1 | 0.4 | 0.4% |

KINH TẾ VĨ MÔ

| | Tháng 9 Tháng 10 Lũy kế | | |
|--------------------------------|-------------------------|--------|---------|
| | | | |
| Tăng trưởng GDP | 5.76% | | |
| Lạm phát so hàng tháng | 0.82% | 0.36% | |
| Lạm phát so với cùng kỳ (năm) | 22.42% | 21.59% | |
| Sản lượng Công nghiệp (%) | 12.00% | 5.20% | |
| Lãi suất OMO | 14.00% | 14.00% | |
| Xuất khẩu (triệu \$) | 7,944 | 8,300 | 78,032 |
| Nhập khẩu (triệu \$) | 9,445 | 9,100 | 86,422 |
| Thâm hụt thương mại (triệu \$) | - 1,501 | - 800 | - 8,390 |
| FDI cam kết (triệu \$) | 336 | 1,371 | 11,274 |
| FDI giải ngân (triệu \$) | 900 | 900 | 9,100 |

(Nguồn: Tổng cục thống kê)

THỊ TRƯỜNG TIỀN TỆ

| | Chỉ số Thay đổi % | | |
|---------------------------------------|-------------------|-------|-------|
| | | | |
| Lãi suất qua đêm trung bình (%) | 12.17 | 0.1 | 0.7% |
| Bơm ròng qua OMO (tỷ VND) | 297 | -703 | |
| Lãi suất cho vay VND/năm (min-max) | 16.0% | 19.0% | |
| Lợi tức trái phiếu chính phủ - 1 năm | 12.57 | -0.02 | -0.2% |
| Lợi tức trái phiếu chính phủ - 3 năm | 12.38 | -0.01 | -0.1% |
| Lợi tức trái phiếu chính phủ - 5 năm | 12.44 | -0.01 | -0.1% |
| Lợi tức trái phiếu chính phủ - 10 năm | 12.64 | 0.00 | 0.0% |

Tỷ giá

| | Mua vào Bán ra Thay đổi | | |
|-----------------|-------------------------|--------|-----|
| | | | |
| VND/USD | 20,996 | 21,011 | 0/0 |
| VND/USD (tự do) | 21,340 | 21,370 | 0/0 |

(Nguồn: Vietinbank)

CÁC TIN TỨC VĨ MÔ TRONG NƯỚC VÀ QUỐC TẾ

Trong nước

- Thủ tướng yêu cầu NHNN báo cáo đề án tái cơ cấu ngân hàng trong tháng 11/2011.
- Reuters đưa tin: S&P điều chỉnh mức độ rủi ro trong Hệ thống Ngân hàng của Việt Nam lên nhóm 10, nhóm có mức độ rủi ro cao nhất, cùng nhóm với Hy Lạp và Belarus.
- Theo NHNN, lãi suất bình quân liên ngân hàng ngày 7/11 kỳ hạn 12 tháng tăng 20,59% so với ngày 4/11, lên 36,58%/năm.

Quốc tế

- Các nhà hoạch định chính sách tại hạt Jefferson thuộc bang Alabama đã bỏ phiếu với tỷ lệ 4/1 để nộp lên tòa án hồ sơ phá sản cấp thành phố lớn nhất trong lịch sử Mỹ.
- Tháng 10/2011, xuất khẩu tại Trung Quốc tăng chậm nhất trong gần 2 năm, khủng hoảng nợ châu Âu tồi tệ hơn khiến nhu cầu hàng hóa giảm.
- Theo các quan chức, eurozone không có kế hoạch cứu trợ tài chính Italia, dù chi phí vay của nền kinh tế lớn thứ 3 khu vực đã tới mức bất ổn.

GIAO DỊCH TRONG NGÀY

Diễn biến trên 2 sàn

- Hàng loạt tin xấu cùng với xu hướng giảm tiếp diễn khiến cổ phiếu vẫn đua nhau ngấp sặc đỏ. Vn-Index giảm co mạnh mẽ quanh mốc 400 điểm. Nhờ bộ trụ MSN, BVH, VIC, MBB, Vn-Index may mắn giữ được mốc 400 điểm về cuối phiên dù giảm tới 4,16 điểm xuống còn 401,03 điểm. MBB dao động khá tích cực. Từ mức thấp nhất 11.400 đồng lúc mở cửa, MBB được đẩy dần lên và có lúc khóp vào trần.
- KLS và VND tiếp tục dẫn đầu thanh khoản với 2,8 và 2,2 triệu đơn vị. HNX-Index giảm 0,78 điểm xuống còn 63,82 điểm. Thanh khoản có dấu hiệu cải thiện trở lại.

Giao dịch khối ngoại

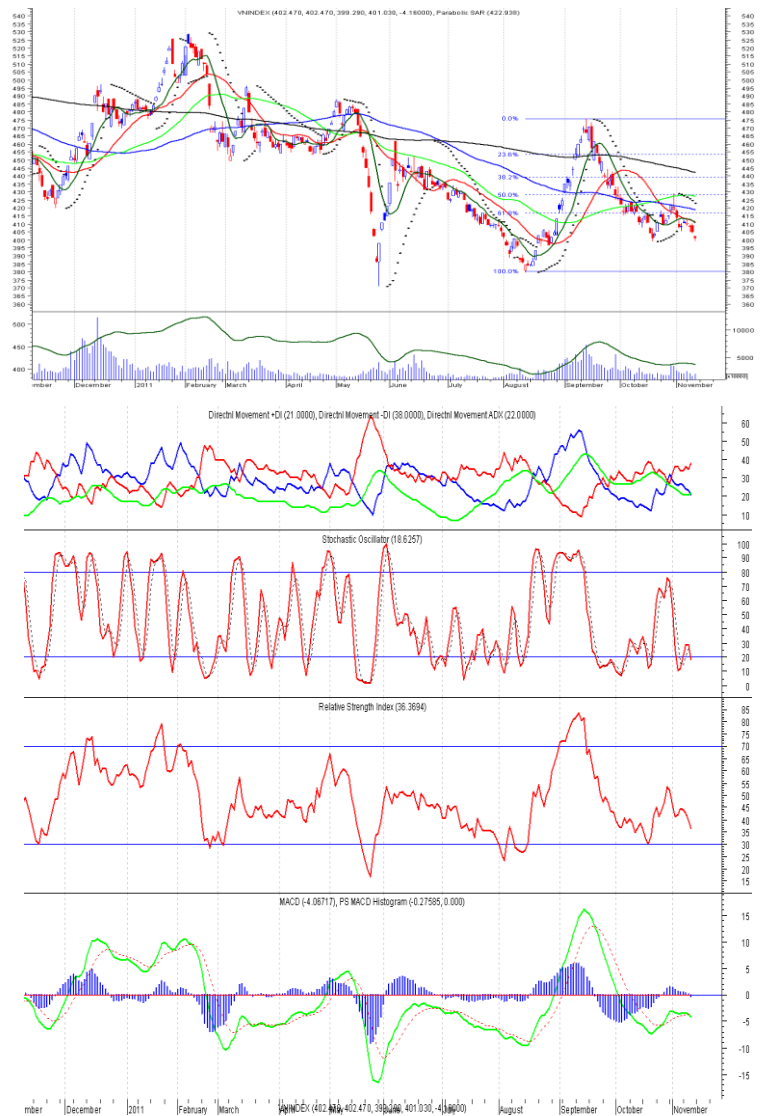
- Trên HSX, khối ngoại giao dịch tương đương phiên trước khi mua vào 228,5 tỷ đồng và bán ra 82 tỷ đồng, mua ròng phiên thứ 2 liên tiếp, giá trị hơn 146 tỷ đồng. VIC tiếp tục được mua ròng gần 126 tỷ đồng, chủ yếu bằng giao dịch thỏa thuận. SSI bị bán ròng nhiều nhất hơn 10 tỷ đồng.
- Trên HNX, khối ngoại bán ròng phiên thứ 7 liên tiếp. Tổng giá trị bán ròng 7 phiên là 23 tỷ đồng. Cổ phiếu PVX được mua ròng nhiều nhất giá trị khoảng 550 triệu đồng trong khi WSS bị bán ròng nhiều nhất khoảng 686 triệu đồng.

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT- HSX

Nhóm bluechip tiếp tục bị bán tháo trên sàn HOSE khiến VN-index tiếp tục giảm mạnh. Khu vực hỗ trợ 400 đang bị sức ép khá lớn. Theo quan điểm của chúng tôi, thị trường vẫn còn tiềm ẩn nhiều rủi ro.

Khuyến nghị: Nhà đầu tư thận trọng trong giai đoạn này. Ưu tiên bảo toàn vốn.

BIỂU ĐỒ PHÂN TÍCH KỸ THUẬT



XU HƯỚNG THỊ TRƯỜNG

| | |
|-----------|------|
| Ngắn hạn | Giảm |
| Trung hạn | Giảm |

CÁC NGƯỠNG KHÁNG CỰ VÀ HỖ TRỢ

| | |
|---------------|-----|
| Kháng cự 1 | 428 |
| Kháng cự 2 | 440 |
| Vùng hỗ trợ 1 | 400 |
| Vùng hỗ trợ 2 | 380 |

BẢNG CÁC CHỈ SỐ

| | |
|----------|------|
| RSI (14) | Giảm |
| STO (14) | Giảm |
| MFI (14) | Giảm |
| KLGD | Tăng |

THÔNG TIN CẬP NHẬT CÁC CÔNG TY SÀN HOSE

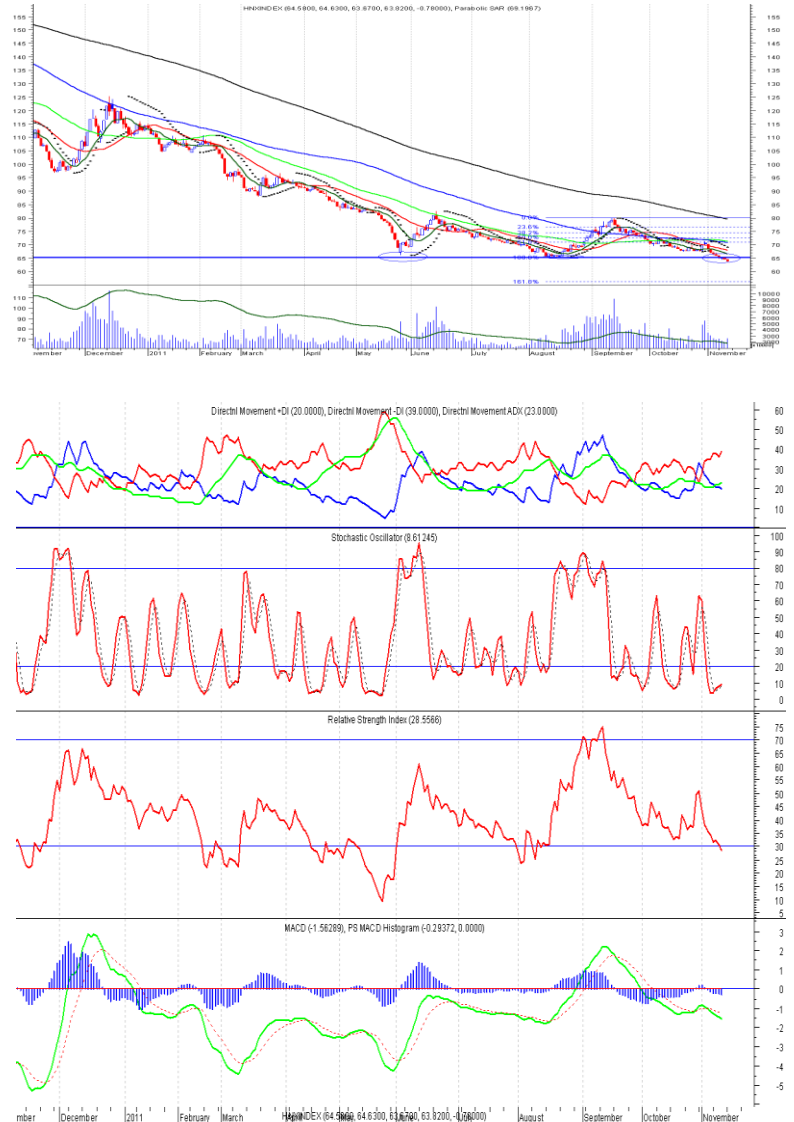
- HBC** Từ ngày 14/11/2011 - 14/1/2012, ông Lê Quốc Duy - Ủy viên Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Xây dựng và Kinh doanh Địa ốc Hòa Bình (**HBC**) đăng ký mua 100.000 cổ phiếu, số cổ phiếu sẽ nắm giữ còn 234.765 cổ phiếu.
- MSN** Từ ngày 14/11/2011 - 11/1/2012, ông (bà) Nguyễn Quỳnh Lâm - Trưởng Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San (**MSN**) đăng ký bán 2.000.000 cổ phiếu, số cổ phiếu sẽ nắm giữ còn 50.000 cổ phiếu, nhằm sắp xếp tài chính cá nhân.
- HDC** Từ ngày 14/11/2011 - 13/1/2012, ông Đoàn Hữu Hà Vinh, con ông Đoàn Hữu Thuận - Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Tổng giám đốc Công ty cổ phần Phát triển nhà Bà Rịa – Vũng Tàu (**HDC**) đăng ký mua 50.000 cổ phiếu, nâng số cổ phiếu sẽ nắm giữ lên 100.000 cổ phiếu, nhằm tăng tỷ lệ nắm giữ.
- STB** Từ ngày 16/11 - 16/12, Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín (**STB**) đăng ký mua 100.000.000 cổ phiếu làm cổ phiếu quỹ nhằm góp phần bình ổn thị trường chứng khoán và bảo vệ lợi ích cổ đông Sacombank. Phương thức giao dịch là khớp lệnh và thỏa thuận.

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT- HNX

BIỂU ĐỒ PHÂN TÍCH KỸ THUẬT

HNX-index tiếp tục đi tìm đáy mới. Nhóm blue-chip bị bán tháo trên sàn Hose đang là sức ép khá lớn khiến HNX-index có thể tìm các đáy sâu hơn.

Khuyến nghị: Nhà đầu tư thận trọng trong giai đoạn này. Ưu tiên bảo toàn vốn.



XU HƯỚNG THỊ TRƯỜNG

| | |
|-----------|------|
| Ngắn hạn | Giảm |
| Trung hạn | Giảm |

CÁC NGƯỠNG KHÁNG CỰ VÀ HỖ TRỢ

| | |
|---------------|----|
| Kháng cự 1 | 66 |
| Kháng cự 2 | 70 |
| Vùng hỗ trợ 1 | 62 |
| Vùng hỗ trợ 2 | 60 |

BẢNG CÁC CHỈ SỐ

| | |
|----------|------|
| RSI (14) | Giảm |
| STO (14) | Tăng |
| MFI (14) | Giảm |
| KLGD | Tăng |

THÔNG TIN CẬP NHẬT CÁC CÔNG TY SÀN HNX

- SHS** Từ ngày 10/11 - 2/12, ông Trần Tuấn Cường, cổ đông lớn của Công ty Cổ phần Chứng Khoán Sài Gòn Hà Nội (SHS) đăng ký bán 100.000 cổ phiếu, nhằm giải quyết nhu cầu tài chính cá nhân.
- VND** Từ ngày 7/9 - 2/11, ông Nguyễn Trung Tiến, chồng bà Đỗ Thanh Hương - Ủy viên Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán VN Direct (VND) đã bán hết 35.888 cổ phiếu.
- DHT** Từ ngày 2/11 - 30/11, ông Hoàng Trọng Nguyên - Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Dược phẩm Hà Tây (DHT) đăng ký mua 500.000 cổ phiếu, nhằm tăng tỷ lệ sở hữu.
- DC2** Từ ngày 8/9 - 7/11, ông Hồ Mạnh Hùng - Trưởng Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng (DIC) số 2 (DC2) đăng ký bán 10.000 cổ phiếu, đăng ký mua 10.000 cổ phiếu, đã bán 0 cổ phiếu, đã mua 2.800 cổ phiếu, nâng số cổ phiếu nắm giữ lên 16.000 cổ phiếu, chiếm 0,63% vốn điều lệ.

HSX

| 5CP TĂNG giá nhiều nhất | | | 5CP GIẢM giá nhiều nhất | | |
|-------------------------|----------|------|-------------------------|----------|------|
| Mã CK | Thay đổi | KL | Mã CK | Thay đổi | KL |
| SC5 | 4.95% | 49.8 | SBT | -8.66% | 71.9 |
| L10 | 4.94% | 0.6 | VKP | -7.69% | 18.0 |
| VSG | 4.76% | 2.8 | BAS | -7.14% | 10.4 |
| FDG | 4.73% | 3.0 | SZL | -6.82% | 55.9 |
| SBC | 4.65% | 7.4 | TNT | -5.00% | 30.4 |

(Đơn vị: nghìn CP)

HNX

| 5CP TĂNG giá nhiều nhất | | | 5CP GIẢM giá nhiều nhất | | |
|-------------------------|----------|-----|-------------------------|----------|-------|
| Mã CK | Thay đổi | KL | Mã CK | Thay đổi | KL |
| DNC | 10.81% | 1.6 | TLC | -12.12% | 148.3 |
| C92 | 7.53% | 0.1 | PPG | -8.70% | 5.8 |
| SJ1 | 6.88% | 6.7 | NPS | -8.62% | 5.9 |
| BXH | 6.67% | 0.1 | VE3 | -6.98% | 0.1 |
| MIM | 6.60% | 0.1 | CAN | -6.94% | 0.7 |

(Đơn vị: nghìn CP)

| 5CP có KLGD nhiều nhất | | | 5CP có GTGD nhiều nhất | | |
|------------------------|----------|---------|------------------------|----------|------|
| Mã CK | Thay đổi | KL | Mã CK | Thay đổi | GT |
| SSI | -2.89% | 1,284.4 | VIC | 0.00% | 5.6 |
| VIC | 0.00% | 62.2 | VNM | -2.82% | 9.1 |
| MBB | 1.72% | 1,258.0 | SSI | -2.89% | 21.7 |
| IJC | -3.92% | 880.4 | FPT | 0.00% | 8.4 |
| HQC | -4.55% | 802.1 | MBB | 1.72% | 14.8 |

(Đơn vị: tỷ VND)

| 5CP có KLGD nhiều nhất | | | 5CP có GTGD nhiều nhất | | |
|------------------------|----------|---------|------------------------|----------|------|
| Mã CK | Thay đổi | KL | Mã CK | Thay đổi | GT |
| KLS | -0.99% | 2,838.9 | KLS | -0.99% | 28.3 |
| VND | -1.98% | 2,207.3 | VND | -1.98% | 21.9 |
| PVX | -2.94% | 2,103.3 | PVX | -2.94% | 20.8 |
| VCG | -1.75% | 1,527.0 | VCG | -1.75% | 17.1 |
| SHS | -2.44% | 648.9 | PGS | -2.01% | 12.8 |

(Đơn vị: tỷ VND)

| 5CP NĐTNN mua nhiều nhất | | | | 5CP NĐTNN bán nhiều nhất | | | |
|--------------------------|------|----------|---------|--------------------------|------|----------|-------|
| Mã CK | Giá | Thay đổi | KL | Mã CK | Giá | Thay đổi | KL |
| VIC | 89.5 | 0.0% | 1,404.9 | SSI | 16.8 | -2.9% | 606.2 |
| REE | 11.2 | -0.9% | 443.8 | ITA | 8.3 | -2.4% | 270.8 |
| FPT | 48.8 | 0.0% | 265.5 | VIP | 5.0 | -3.9% | 234.5 |
| PNJ | 34.8 | -0.6% | 160.0 | BMI | 9.7 | 2.1% | 207.4 |
| HSG | 9.4 | -2.1% | 125.5 | PVF | 10.8 | -3.6% | 108.7 |

(Đơn vị: nghìn CP)

| 5CP NĐTNN mua nhiều nhất | | | | 5CP NĐTNN bán nhiều nhất | | | |
|--------------------------|------|----------|------|--------------------------|-----|----------|-------|
| Mã CK | Giá | Thay đổi | KL | Mã CK | Giá | Thay đổi | KL |
| PVX | 9.9 | -2.9% | 55.0 | WSS | 4.9 | -3.9% | 140.0 |
| KLS | 10.0 | -2.0% | 6.1 | AVS | 4.1 | -2.4% | 65.0 |
| AAA | 14.5 | -4.6% | 5.0 | SDT | 9.8 | -3.0% | 17.5 |
| NVC | 3.8 | 0.0% | 4.0 | SD2 | 7.2 | -6.5% | 16.2 |
| VND | 9.9 | -2.9% | 2.0 | TV4 | 6.8 | -4.2% | 11.0 |

(Đơn vị: nghìn CP)

Khuyến cáo

Báo cáo này được phát hành bởi VietinBankSc. Các thông tin, nhận định trong báo cáo này được VietinBankSc xem là đáng tin cậy và dựa trên các nguồn thông tin có sẵn, đã công bố ra công chúng được xem là đáng tin cậy và hợp pháp. Tuy nhiên, VietinBankSc không đảm bảo tính đầy đủ, chính xác của các thông tin này.

Nhà đầu tư sử dụng báo cáo này cần lưu ý các nhận định, dự báo trong báo cáo này mang tính chủ quan của người viết. Nhà đầu tư sử dụng báo cáo này tự chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

Liên hệ

Trụ sở chính

306 Bà Triệu
Q. Hai Bà Trưng, Hà Nội
Tel: (84.4) 6278 0012

P. Giao dịch Thái Thịnh

Số 196 Thái Thịnh
Q. Đống Đa, Hà Nội
Tel: (84.4) 3519 0142

Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh

49 Tôn Thất Đạm
Q. 1, TP. HCM
Tel: (84.8) 3820 9987

P. Giao dịch Phan Đăng Lưu

Tầng M, 24A Phan Đăng Lưu, P.6
Q. Bình Thạnh, TP. HCM
Tel: (84.8) 3551 5606